

Quảng Bình, ngày 08 tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

- Làm cơ sở cho các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo sát với thực tế, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

2. Yêu cầu

- Đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch nông thôn để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 theo định hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại nhằm nâng cao chất lượng đời sống người dân khu vực nông thôn.

- Thực hiện có hiệu quả các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, tăng cường áp dụng khoa học công nghệ trong việc xử lý chất thải, tái sử dụng chất thải chuyển thành nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất khác, vừa đảm bảo an toàn vừa quản lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn, khép kín.

- Hoạt động bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm và cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn theo hướng nhà nước và nhân dân cùng làm, đầy mạnh xã hội hóa, thu hút mọi nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành đảm bảo hiệu quả và bền vững.

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương, kịp thời xử lý những khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện có hiệu quả nội dung vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, xây dựng môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và bền vững, bảo vệ sức khỏe, giảm các bệnh liên quan do ảnh hưởng của việc ô nhiễm môi trường, thực phẩm không an toàn, thiếu nước sinh hoạt, nguồn nước kém chất lượng, giúp người dân nông thôn được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch thuận lợi, đầy đủ, an toàn với chi phí hợp lý; người dân được sống trong môi trường an toàn và bền vững, sử dụng thực phẩm chất lượng, an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường; phòng chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị góp phần đẩy mạnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của tỉnh đến năm 2025.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tối thiểu 60% dân số nông thôn được tiếp cận bền vững với nước sạch đạt quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày.

- 70% công trình cấp nước tập trung hoạt động bền vững và tương đối bền vững, trong đó có ít nhất 40% hoạt động bền vững.

- Tối thiểu 50% hộ nông thôn triển khai các giải pháp phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn; trong đó có 80% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý theo đúng quy định; triển khai 1 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện trở lên với công nghệ phù hợp với điều kiện địa phương.

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Tối thiểu 80% chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- 100% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- 90% chất thải rắn và nước thải sản xuất của các làng nghề truyền thống được thu gom và xử lý theo quy định.

- Tối thiểu 15% số hộ dân nông thôn áp dụng các biện pháp thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt có hiệu quả, phù hợp với điều kiện và đặc thù khu vực; 50% số đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp tình hình thực tế địa phương.

- Tối thiểu 85% hộ gia đình và 95% trường học, trạm y tế có nhà vệ sinh được xây dựng và quản lý và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về vai trò của Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại; thay đổi hành vi, thói quen, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ các công trình cấp nước trên địa bàn.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước, phát huy hiệu quả của truyền thông đa phương tiện, mạng xã hội và các hình thức tuyên truyền khác; xây dựng các chuyên mục, chuyên đề về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát sóng định kỳ trên các phương tiện thông tin, truyền thông.

- Tổ chức phát động các cuộc thi về nông thôn xanh, sạch, đẹp nhằm biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có giải pháp, sáng kiến trong bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề cho các cán bộ nông thôn mới các cấp và người dân nhằm thay đổi nhận thức và nâng cao năng lực bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

- Xây dựng các bộ sản phẩm truyền thông mẫu, thiết kế mẫu về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn. Cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay để phổ biến và nhân rộng.

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và phát triển mạng lưới tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp cơ sở. Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tại cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn và vận hành các công trình cấp nước và xử lý chất thải.

2. Quy hoạch

- Rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung bảo vệ môi trường, cấp nước sạch nông thôn vào quy hoạch nông thôn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch xây dựng nông thôn của xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng.

- Rà soát, hoàn thiện các quy hoạch và quản lý đất đai liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường, cấp nước sạch; rà soát, hoàn thiện quy hoạch nông thôn của các xã, huyện theo hướng tích hợp các nội dung về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm; chủ động bố trí quỹ đất phục vụ cho các công trình nước sạch, bảo vệ môi trường trong kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

3. Cấp nước sạch nông thôn

- Rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung cấp nước sạch nông thôn vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, suy thoái nguồn nước..

- Rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình cấp nước nông thôn, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo các công trình cấp nước hiện có, nâng cấp, thay thế thiết bị, dây chuyền, áp dụng công nghệ xử lý, nâng cao chất lượng nước.

- Đầu tư các công trình cấp nước sạch tập trung với quy mô lớn, đồng bộ liên xã, liên huyện theo hình thức xã hội hóa tại các vùng tập trung dân cư, có điều kiện kinh tế xã hội thuận lợi; hỗ trợ đầu tư các công trình tại các vùng khó khăn, khan hiếm về nguồn nước; có biện pháp ứng phó với suy thoái nguồn nước, ổn định nguồn nước khai thác trong điều kiện chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Thực hiện mô hình hỗ trợ, xử lý nước sinh hoạt quy mô hộ gia đình cho các đối tượng là hộ nghèo, gia đình chính sách đối với các xã, thôn không đầu tư được hệ thống cấp nước tập trung.

- Nối mạng, phân tuyến ống cấp nước giữa các trạm còn thừa công suất với trạm đã hết và vượt công suất nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, đảm bảo chất lượng nước cấp đạt quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân.

4. Chất thải rắn sinh hoạt

- Hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị để thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình. Xây dựng và triển khai mô hình phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các địa bàn có mật độ dân cư khác nhau và mục đích sử dụng chất thải sau phân loại; xây dựng sổ tay, tờ rơi hướng dẫn thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn.

- Tổ chức mạng lưới thu gom triệt để và hiệu quả; hình thành và hoàn thiện các phương thức thu gom phù hợp với đặc thù của từng huyện, thị xã, thành phố; bố trí và đầu tư hạ tầng các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phù hợp; trang bị các phương tiện, trang thiết bị lưu chúa rác tại khu vực công cộng đảm bảo thuận tiện, thân thiện môi trường và mỹ quan.

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư, tăng cường xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Khuyến khích thành lập các tổ chức hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, đầu tư mua sắm tài sản, xe chuyên dụng để thu gom rác thải sinh hoạt nhằm nâng cao hiệu suất thu gom.

- Xây dựng và ban hành phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt. Rà soát, điều chỉnh mức thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường theo hướng xã hội hóa công tác thu gom, xử lý rác thải đáp ứng nguyên tắc bảo vệ môi trường.

- Triển khai xây dựng và hoàn thiện mô hình liên kết thị trường để sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt thành nguồn nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất khác như sản xuất phân bón hữu cơ, nhà máy điện rác, nhà máy chế biến hạt nhựa...

5. Nước thải sinh hoạt

- Xây dựng kế hoạch và đầu tư hệ thống, phương án thoát nước và biện pháp xử lý nước thải phù hợp đối với các cụm dân cư nông thôn lồng ghép vào các quy hoạch của địa phương; triển khai thực hiện theo các phương án đã xây dựng.

- Nghiên cứu, xây dựng thí điểm một số mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn áp dụng công nghệ tiên tiến, chi phí thấp, hạn chế hóa chất, dễ áp dụng đối với điều kiện của từng khu vực dân cư sau đó nhân rộng mô hình rộng rãi đến các địa phương trong toàn tỉnh.

6. Chất thải và phụ phẩm nông nghiệp

- Nghiên cứu, xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn chất thải cho mục đích sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý chất thải nhựa trong sản xuất nông nghiệp.

7. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật

- Đầu tư trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng; đảm bảo quá trình lưu giữ, vận chuyển không phát tán gây ô nhiễm môi trường.

- Hoàn thiện và nhân rộng các mô hình quản lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng phù hợp với điều kiện từng địa phương.

8. Bảo vệ môi trường làng nghề

- Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp xây dựng và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn phù hợp đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường với từng làng nghề truyền thống, tập trung vào nhóm các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến hải sản, giết mổ gia súc, gia cầm...~

- Xây dựng mô hình cải tạo môi trường làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn.

- Xây dựng phương án dự phòng đối với các làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

9. Cảnh quan môi trường nông thôn

- Xây dựng và nhân rộng mô hình cải tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với điều kiện địa phương, tăng cường trồng cây xanh, trồng hoa tại các tuyến đường giao thông nông thôn, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng. Tổ chức theo dõi diễn biến chất lượng nước ao, hồ công cộng nằm trong khu dân cư nông thôn; cải tạo cảnh quan và khôi phục chất lượng môi trường nước khi bị ô nhiễm.

- Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình cải tạo cảnh quan theo hướng đa chức năng; gắn xây dựng cảnh quan với phát triển du lịch nông thôn và xây dựng đồi sông văn hóa cơ sở.

10. An toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

- Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực giám sát của cộng đồng về an toàn thực phẩm; phát triển các tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm; tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức và năng lực về tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm cho chủ thể sản xuất.

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm tại các huyện, thị xã, thành phố, các điểm bán thực phẩm đạt tiêu chí vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn. Khuyến khích các địa phương đã có mô hình chợ, điểm bán thực phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm nhân rộng mô hình trên địa bàn.

- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã; các cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản phải tham gia tập huấn về an toàn thực phẩm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận về an toàn thực phẩm.

- Không sử dụng chất cấm trong trồng trọt, chăn nuôi, sử dụng phân bón thuốc bảo vệ thực vật đúng quy chuẩn, thu gọn chai, lọ, vỏ, bao bì thuốc bảo vệ sau khi đã sử dụng, xử lý tiêu hủy đúng quy định.

11. Công tác vệ sinh

- Tuyên truyền phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng người dân, từng bước xóa bỏ nhà tiêu không hợp vệ sinh, chấm dứt việc sử dụng cầu tiêu ao cá và các loại nhà tiêu không hợp vệ sinh, chú trọng vệ sinh an toàn cho phụ nữ và các đối tượng dễ bị tổn thương, tiếp cận vệ sinh cho người khuyết tật; huy động, vận động các nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Hoàn thiện, phổ biến và nhân rộng các mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản phù hợp với tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân.

IV. NGUỒN VỐN VÀ CƠ CẤU VỐN

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

Vốn ngân sách Trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt; vốn lồng ghép các chương trình, dự án khác; vốn ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác.

2. Kinh phí quản lý, giám sát thực hiện Chương trình ở các cấp: Được trích từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của các cấp được giao hàng năm.

3. Cơ chế tài chính của Chương trình: Thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện theo hướng dẫn của Chương trình và thực hiện tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện Chương trình và yêu cầu của cơ quan cấp trên.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các mô hình có liên quan; triển khai xây dựng mô hình quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường, tập huấn các nội dung bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Thanh tra, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn nông thôn; xử phạt nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo thẩm quyền.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các địa phương triển khai thực hiện Chương trình theo đúng tiến độ và quy định hiện hành.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các mô hình về nước sạch nông thôn, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở ngành, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho việc

thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nông thôn trong phạm vi Chương trình; triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ để thực hiện.

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các nội dung, nhiệm vụ kế hoạch từ các địa phương, cơ quan, đơn vị để lồng ghép trong kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hàng năm, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn công tác thu gom bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng; xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp.

- Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Y tế, Công an tỉnh trong quản lý, kiểm soát ngăn chặn lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất, kháng sinh trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản.

- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, lấy mẫu phân tích chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản, tuyên truyền áp dụng công nghệ sản xuất an toàn theo hướng hữu cơ.

- Triển khai các mô hình thí điểm thuộc Chương trình đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; các cơ chế, chính sách, hướng dẫn của trung ương và địa phương để thực hiện Chương trình.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn cho các địa phương thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nông thôn trong phạm vi Chương trình; huy động các nguồn lực khác để xây dựng các mô hình.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường nông thôn trong phạm vi Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và ban hành phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, rà soát, điều chỉnh mức thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường theo hướng xã hội hóa công tác thu gom, xử lý rác thải đáp ứng nguyên tắc bảo vệ môi trường.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp

nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương; phát triển các công nghệ xử lý và tái chế, tái sử dụng chất thải; sử dụng hiệu quả tài nguyên năng lượng. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký đề tài nghiên cứu, ứng dụng các đề tài khoa học, các sáng kiến mang lại hiệu quả kinh tế cao trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Ứng dụng, phổ biến, nhân rộng các công nghệ xử lý chất thải sinh hoạt, nước thải với chi phí thấp ở khu vực nông thôn, đặc biệt là các mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải, chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp tạo ra các sản phẩm là nguồn nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất khác.

- Chủ trì công tác thẩm định và lựa chọn các công nghệ trong dự án đầu tư, trong đó ưu tiên và tạo điều kiện cho các công nghệ tiên tiến, tiêu tốn ít năng lượng và thân thiện với môi trường.

6. Sở Y tế

- Chủ trì tổ chức, triển khai các nhiệm vụ có liên quan tại Kế hoạch này; hướng dẫn vệ sinh khử khuẩn, vệ sinh cá nhân có lợi cho sức khỏe; hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn về nhà tiêu hợp vệ sinh tại hộ gia đình, nhà vệ sinh công cộng, nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, công sở, nhà văn hóa... trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn các quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt từ các hệ thống cấp nước tập trung.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước đối với các trạm, nhà máy cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Công thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan hỗ trợ xây dựng các mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm tại các huyện, các điểm bán thực phẩm đạt tiêu chí vệ sinh an toàn thực phẩm.

8. Các sở, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan tại Kế hoạch này; phối hợp thực hiện công tác báo cáo, đánh giá khi có yêu cầu.

9. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo, xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch trên địa bàn quản lý; bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước; thực hiện việc lồng ghép nội dung Kế hoạch vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho sinh hoạt đối với các cơ sở cấp nước sinh hoạt trên địa bàn.

- Triển khai xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước và vệ sinh môi trường trên địa bàn theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật.

- Triển khai thực hiện các mô hình thuộc Chương trình; bố trí mặt bằng, hạ tầng thiết yếu theo quy định để thuận lợi cho việc triển khai xây dựng mô hình về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch nông thôn.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc kiểm tra, xử lý các hoạt động vi phạm về môi trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của cộng đồng trong bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

- Xây dựng và triển khai đề án cấp huyện về cải tạo chất lượng và cảnh quan môi trường nước mặt khu vực công cộng; phối hợp theo dõi diễn biến chất lượng nước ao hồ công cộng trong khu dân cư, có biện pháp cải tạo cảnh quan và khôi phục chất lượng môi trường nước bị ô nhiễm.

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan nhân rộng các mô hình có hiệu quả trong cấp nước sinh hoạt nông thôn, xử lý chất thải rắn và nước thải sinh hoạt, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp, quản lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng và công tác vệ sinh môi trường ở nông thôn.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận

- Tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò của đoàn viên, hội viên, cộng đồng dân cư trong việc thực hiện các nội dung của Chương trình; vận động doanh nghiệp tham gia hỗ trợ nguồn lực xây dựng các mô hình.

- Phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan phát động các đợt ra quân làm vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, nhất là rác thải nơi công cộng.

- Tổ chức phát động xây dựng các phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường như: Phong trào “Năm không, ba sạch - sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp”; phong trào: “ Ngày chủ nhật xanh”; “Một hố phân một cây xanh”; phong trào “ Thu gom, chống rác thải nhựa”; phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn... nhằm huy động sức mạnh của toàn thể cộng đồng chung tay giữ gìn, bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp, xây dựng nếp sống văn minh, thân thiện với môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025, yêu cầu Giám đốc

các Sở, Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nội dung Kế hoạch để tổ chức thực hiện có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./,

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KT.



PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị, địa phương
*(Kèm theo Kế hoạch số 847/KH-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2023
 của UBND tỉnh Quảng Bình)*

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Tối thiểu 60% dân số nông thôn được tiếp cận bền vững với nước sạch đạt quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày	Sở NN&PTNT; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành
2	70% công trình cấp nước tập trung hoạt động bền vững và tương đối bền vững, trong đó có ít nhất 40% hoạt động bền vững.	Sở NN&PTNT; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành
3	Tối thiểu 50% hộ nông thôn triển khai các giải pháp phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn; trong đó có 80% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý theo đúng quy định; triển khai 1 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện trở lên với công nghệ phù hợp với điều kiện địa phương.	Sở TN&MT; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành
4	100% cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	Sở NN&PTNT; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành
5	Tối thiểu 70% chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.	Sở NN&PTNT, UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành
6	100% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	Sở TN&MT, UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành
7	90% chất thải rắn và nước thải sản xuất của các làng nghề truyền thống được thu gom và xử lý theo quy định.	Sở TN&MT, UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành

8	Tối thiểu 15% số hộ dân nông thôn áp dụng các biện pháp thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt có hiệu quả, phù hợp với điều kiện và đặc thù khu vực; 50% số đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp tình hình thực tế địa phương.	Sở TN&MT, UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành
9	Tối thiểu 85% hộ gia đình và 95% trường học, trạm y tế có nhà vệ sinh được xây dựng và quản lý và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.	Sở TN&MT, UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành